TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 833/2023/HC-PT
Ngày: 21/11/2023
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Ông Nguyễn Xuân Phách.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 584/2023/TLPT-HC ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính". Do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2023/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12758/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn S; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Phong T; HKTT: Xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Số D đường D, phường Đ, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Trụ sở UBND huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Đinh Chính Q; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện T; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Văn L; vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Ba V; vắng mặt.

3.3. Bà Đào Thị V1; vắng mặt.

3.4. Anh Nguyễn Chí T1; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố B, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L, anh V, bà V1: Ông Lê Phong T; HKTT: Xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Số D đường D, phường Đ, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 09/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S thống nhất trình bày:***

Gia đình ông có phần nhà, đất với diện tích 32,6m^2 tại Tổ dân phố B, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng sử dụng trước ngày 15/10/1993. Ngày 07/12/2022, UBND huyện T, thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 17318/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 32,6m^2 và kèm theo phương án bồi thường số 02/PA-TCT về bồi thường, hỗ trợ đất đai, cây cối, hoa màu vật kiến trúc để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng nước từ chân cầu B với đường C tại thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Tuy nhiên, tại Điều 1 của Quyết định số 17318/QĐ-UBND của UBND huyện T thể hiện: Thu hồi diện tích 32,6m^2 nhưng xác định nguồn gốc đất của gia đình ông là đất lấn chiếm giao thông, đất thủy lợi để sử dụng vào mục đích nhà ở từ trước ngày 15/10/1993 không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở nên không được bồi thường và phương án bồi thường, hỗ trợ kèm theo thể hiện vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định pháp luật không được bồi thường, không được hỗ trợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông còn đề nghị Tòa án hủy Quyết định 17319/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng nước từ chân Cầu Bính nối với đường C tại thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng kèm theo phương án bồi thường số 02/PA-TCT.

Với căn cứ tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 89, Điều 92 Luật Đất đai và căn cứ nguồn gốc đất gia đình ông sử dụng trước ngày 15/10/1993 hàng năm có nộp thuế đất với Nhà nước và căn cứ vào dự thảo ngày 25/3/2022. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án Hủy bỏ Quyết định số 17318/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất và Quyết định số 17319/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng nước từ chân Cầu Bính nối với đường C tại thị trấn N, huyện T, Hải Phòng kèm theo phương án bồi thường số 02/PA-TCT theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Theo mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 do Công ty cổ phần T2 lập được Sở T3 ký duyệt, hộ ông Nguyễn Văn S đang sử dụng diện tích 32,6m^2 tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 01 thuộc chỉ giới thu hồi đất thực hiện dự án.

Theo bản đồ giải thửa 299 lập năm 1987 hiện đang lưu trữ tại UBND thị trấn N vị trí thửa đất hộ ông Nguyễn Văn S sử dụng thuộc diện tích đất giao thông, không đăng ký sổ mục kê năm 1987. Theo báo cáo của UBND thị trấn N ông Nguyễn Văn S sử dụng diện tích đất trên mục đích làm nhà ở và không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 16 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Tại khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định trường hợp không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất thì có xác nhận của UBND cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư nơi có đất thì xác định thời điểm hộ ông Nguyễn Văn S sử dụng vào mục đích làm nhà ở trước ngày 15/10/1993, diện tích đất có nguồn gốc từ diện tích đất làm mương thoát nước.

Do đó căn cứ Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định sử dụng đất do lấn, chiếm đất sử dụng cho mục đích xây dựng công trình công cộng thì Nhà nước thu hồi đất để trả lại cho công trình mà không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã lấn, chiếm.

Căn cứ nêu trên nên hộ ông Nguyễn Văn S không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở và không đủ điều kiện bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai quy định trường hợp tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật khi nhà nước thu hồi đất không được bồi thường. Do đó đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện theo ủy quyền: Thống nhất trình bày quan điểm ý kiến như người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2023/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 347; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 62; Điều 66; Điều 67; Điều 68; Điều 69; Điều 82; Điều 92 Luật Đất đai; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S về việc Hủy Quyết định số 17318/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất và Quyết định 17319/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng nước từ chân Cầu Bính nối với đường C tại thị trấn N, huyện T, Hải Phòng kèm theo phương án bồi thường số 02/PA-TCT.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/7/2023, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn S kháng cáo đối với bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm:

- Hủy bản án sơ thẩm;

- Hủy Quyết định số 17318/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất;

- Hủy Phương án bồi thường số 02/PA-TCT kèm theo Quyết định số 17319/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng nước từ chân cầu B với đường C tại thị trấn N, huyện T, Hải Phòng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có ý kiến: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; hủy Quyết định hành chính số 17318/QĐ-UBND

ngày 07/12/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định số 17319/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng nước từ chân Cầu Bính nối với đường C tại thị trấn N, huyện T, Hải Phòng kèm theo Phương án bồi thường số 02/PA-TCT. Lý do, Bản án sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 62; Điều 66; Điều 67; Điều 68; Điều 69; Điều 82; Điều 92 Luật Đất đai 2013 để bác đơn khởi kiện của ông S là không đúng. Việc UBND huyện T thu hồi 32,6m^2 mà không bồi thường về đất, tài sản trên đất cho ông S là không đúng. Bởi đất gia đình ông S đã sử dụng làm nhà ở từ năm 1989, trong quá trình sử dụng không bị xử phạt vi phạm hành chính, gia đình ông S có đóng thuế đất; căn cứ theo khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai; điểm a khoản 2 Điều 21, điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì đất gia đình ông S sử dụng đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên đủ điều kiện được bồi thường khi thu hồi đất. Nhà ở ông S làm trước năm 1993, theo Luật Nhà ở năm 2005 thì nhà có trước thời điểm Luật Nhà ở có hiệu lực thì đủ điều kiện được công nhận quyền sở hữu nhà ở. Do vậy, cần buộc UBND huyện T phải bồi thường nhà ở cho ông S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tại cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính đến trước khi nghị án.

Việc vắng mặt một số đương sự, căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về nội dung kháng cáo:

Về thời hiệu khởi kiện: Ông S khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính là còn trong thời hiệu theo Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị kiện đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

Về nội dung của quyết định hành chính bị kiện: Đất ông S sử dụng bị thu hồi có nguồn gốc là đất công, không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do vậy, không đủ điều kiện được bồi thường khi thu hồi đất.

Về kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm áp dụng các điều luật của Luật Đất đai không đúng là không có căn cứ.

Về việc kháng cáo cho rằng nhà ông S làm theo Luật nhà ở phải được công nhận quyền sở hữu là không có căn cứ chấp nhận.

Từ các lý do trên, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn S đảm bảo thời hạn, nội dung, hình thức nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn S: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy Quyết định hành chính số 17318/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định 17319/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng nước từ chân Cầu Bính nối với đường C tại thị trấn N, huyện T, Hải Phòng kèm theo Phương án bồi thường số 02/PA-TCT, Hội đồng xét xử thấy:

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Ông Nguyễn Văn S khởi kiện đề nghị Hủy Quyết định số 17318/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất và Quyết định số 17319/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng nước từ chân Cầu Bính nối với đường C tại thị trấn N, huyện T, Hải Phòng kèm theo phương án bồi thường số 02/PA-TCT theo quy định pháp luật. Đến ngày 09/12/2022, ông có đơn khởi kiện nộp trực tiếp tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] *Về thẩm quyền ban hành và trình tự ban hành quyết định hành chính*: Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 17318/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 về việc thu hồi đất và Quyết định số 17319/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng nước từ chân Cầu Bính nối với đường C tại thị trấn N, huyện T, Hải Phòng kèm theo phương án bồi thường số 02/PA-TCT là thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự quy định tại khoản 2 Điều 66; Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[5] *Về nội dung của quyết định hành chính:*

[6] UBND huyện T ban hành Quyết định số 17318/QĐ-UBND ngày

07/12/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất và Quyết định 17319/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng nước từ chân Cầu Bính nối với đường C tại thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng kèm theo phương án bồi thường số 02/PA-TCT theo mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 do Công ty Cổ phần T2 lập được Sở T3 ký duyệt đối với hộ ông Nguyễn Văn S đang sử dụng diện tích 32,6m^2 tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 01 thuộc chỉ giới thu hồi đất thực hiện dự án.

[7] Về nguồn gốc đất: Người khởi kiện Nguyễn Văn S cho rằng đất gia đình ông sử dụng trước ngày 15/10/1993 trên đất chỉ có 0,7m là rãnh nước công và gia đình ông hàng năm có nộp thuế đất đối với diện tích đất 32,6m^2 bị thu hồi để làm căn cứ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường về giá trị quyền sử dụng đất.

[8] Tuy nhiên, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Ông Nguyễn Văn S đang sử dụng diện tích 32,6m^2 tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 01 thuộc chỉ giới thu hồi đất thực hiện dự án. Theo bản đồ giải thửa 299 lập năm 1987 hiện đang lưu trữ tại UBND thị trấn N thì vị trí thửa đất hộ ông Nguyễn Văn S đang sử dụng có nguồn gốc làm mương thoát nước, ông S tự sử dụng vào mục đích làm nhà ở trước ngày 15/10/1993 và không đăng ký tại sổ mục kê năm 1987. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S còn cho biết thửa đất của ông nằm dưới hành lang điện cao thế nên không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[9] Ngoài đơn khởi kiện và lời khai của ông Nguyễn Văn S thì ông không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh gia đình ông có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

[10] Do đó, UBND huyện T đã căn cứ Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ xác định hộ ông Nguyễn Văn S không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở và không đủ điều kiện bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[11] Đối với quan điểm ông Nguyễn Văn S cho rằng hàng năm gia đình ông đều có nghĩa vụ nộp thuế đất với Nhà nước để thể hiện việc xác nhận quyền sử dụng đất hợp pháp: Căn cứ khoản 7 Điều 7 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2010 quy định *"Đất lấn, chiếm áp dụng mức thuế suất 0,2% và không áp dụng hạn mức. Việc nộp thuế không phải là căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người nộp thuế đối với diện tích đất lấn,*

chiếm", phù hợp với số tiền theo Sổ thuế nhà đất gia đình ông đã nộp là 29.050 đồng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận quan điểm của ông Nguyễn Văn S về vấn đề này.

[12] Đối với bản dự thảo UBND huyện T số 01/PA-TCT lập ngày 25/3/2022 đây là bản kiểm tra rà soát xác định, chưa có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền do đó không có giá trị pháp lý và không phải làm căn cứ xác định nguồn gốc, giá trị bồi thường khi thu hồi đất.

[13] Đối với vật kiến trúc trên đất và tài sản trên đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn S. Theo khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai quy định "*Trường hợp tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật khi nhà nước thu hồi đất không được bồi thường*". Vật kiến trúc trên đất và tài sản trên đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn S tạo lập trên đất không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận nên Ủy ban nhân dân huyện T không bồi thường là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[14] Từ phân tích nêu trên, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S về việc hủy Quyết định số 17318/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất và Quyết định 17319/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng nước từ chân Cầu Bính nối với đường C tại thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng kèm theo phương án bồi thường số 02/PA-TCT là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[15] Ông Nguyễn Văn S kháng cáo yêu cầu được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông của ông Nguyễn Văn S.

[16] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

[17] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn S không được chấp nhận, nên ông S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ theo quy định, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn S; Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2023/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000031 ngày 04/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa